

Ngày <b>31/03/2024</b>	<b>9,000 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>5.9%</b>	<b>11.1%</b>	<b>8.4%</b>

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,700 - 9,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	308
Số lượng CPLH (CP)	34,234,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,140
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	0.30
EPS	836
P/E	10.8

**DT thuần**  
Q1/24

**112**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼115| -50.6%  
YoY: ▲ 47.0| 72.4%

**LN trước thuế**  
Q1/24

**20.3**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.90| 51.4%  
YoY: ▲ 21.6| 1723%

**LN sau thuế**  
Q1/24

**16.9**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.82| 110%  
YoY: ▲ 20.2| 620%

**ROA**  
2023

**0.6%**

+/- YoY: ▼ 0.1%

**DT thuần**  
2023

**505**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼69.0| -12.0%

**LN trước thuế**  
2023

**54.2**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼4.30| -7.4%

**LN sau thuế**  
2023

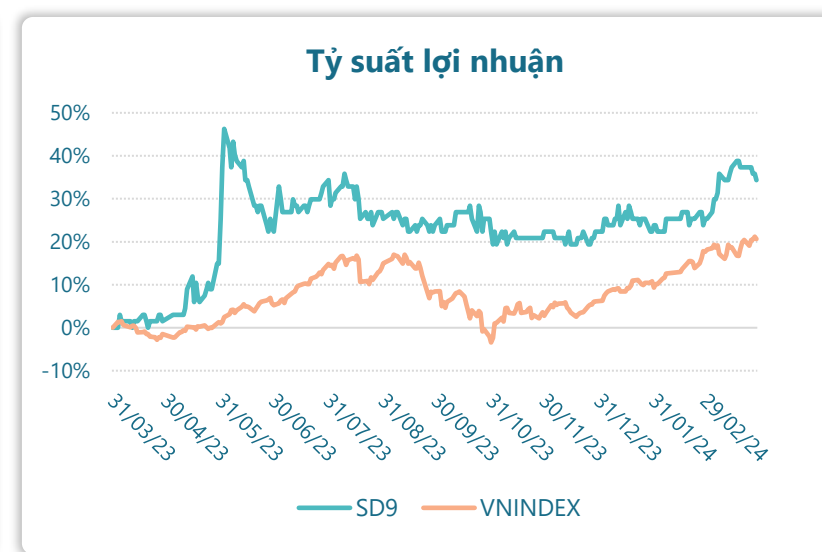
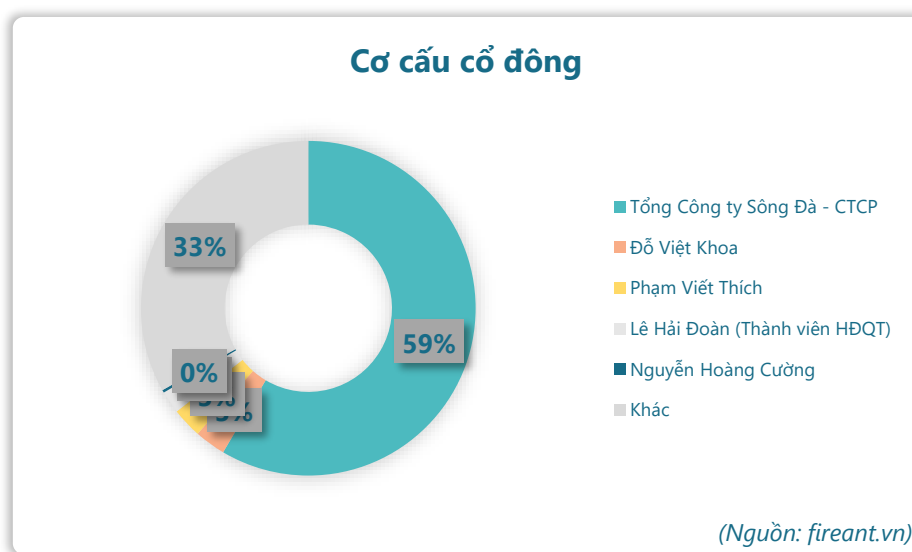
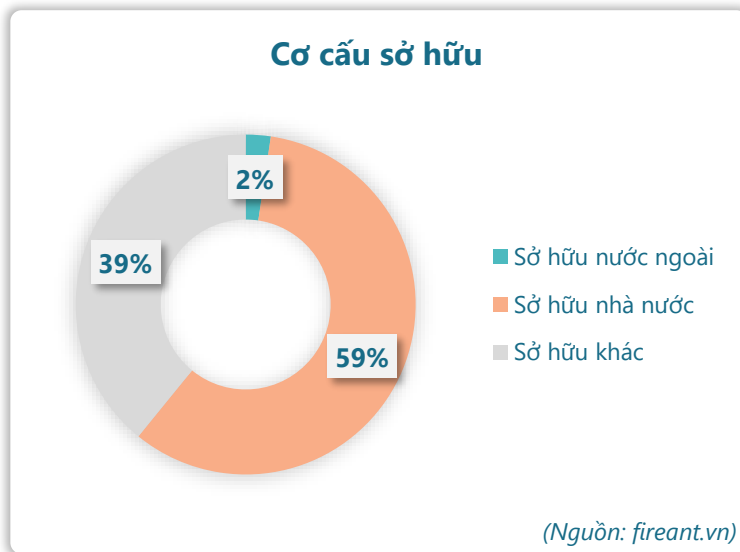
**38.5**  
tỷ VNĐ

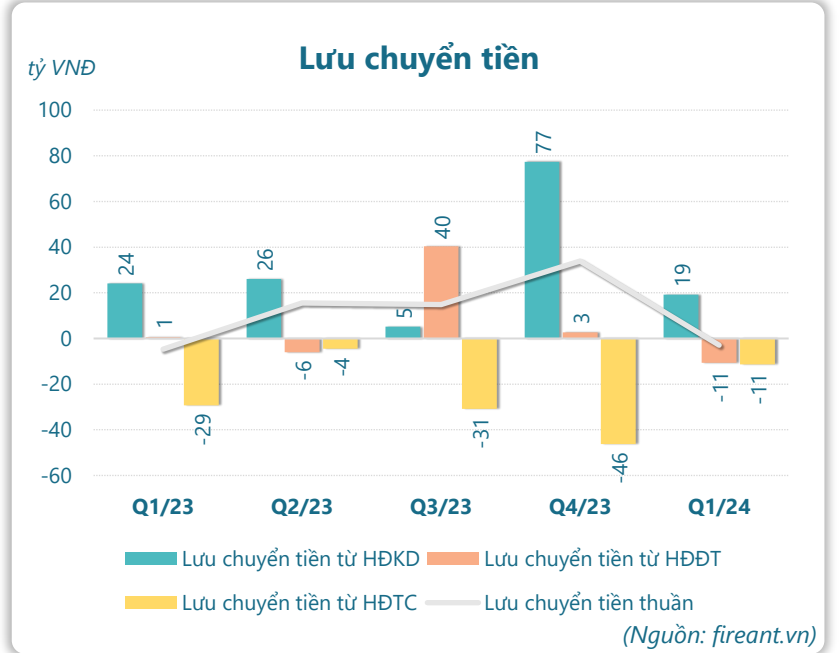
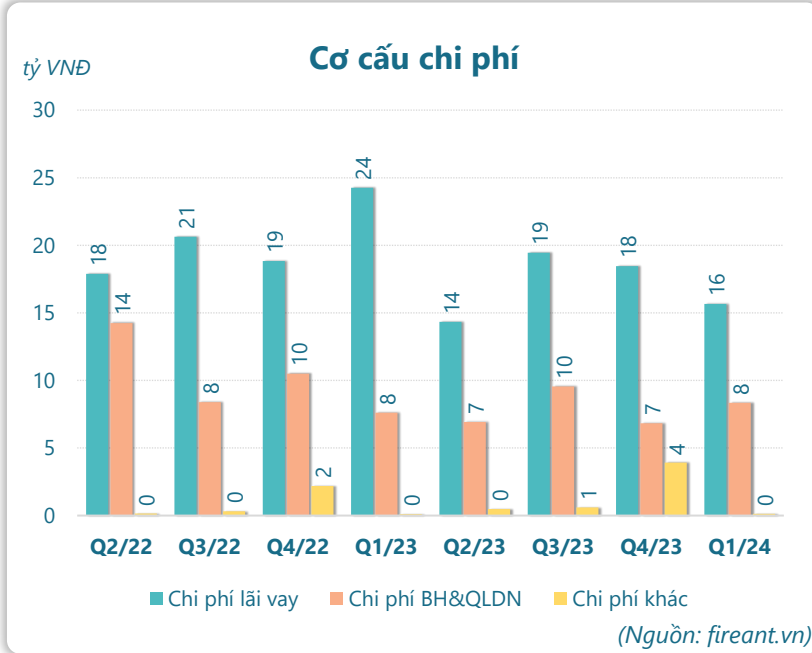
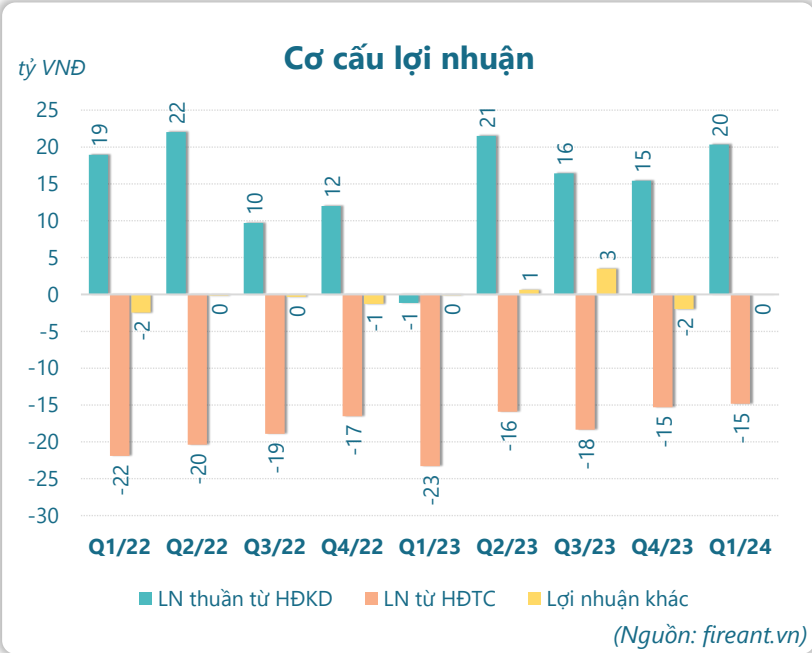
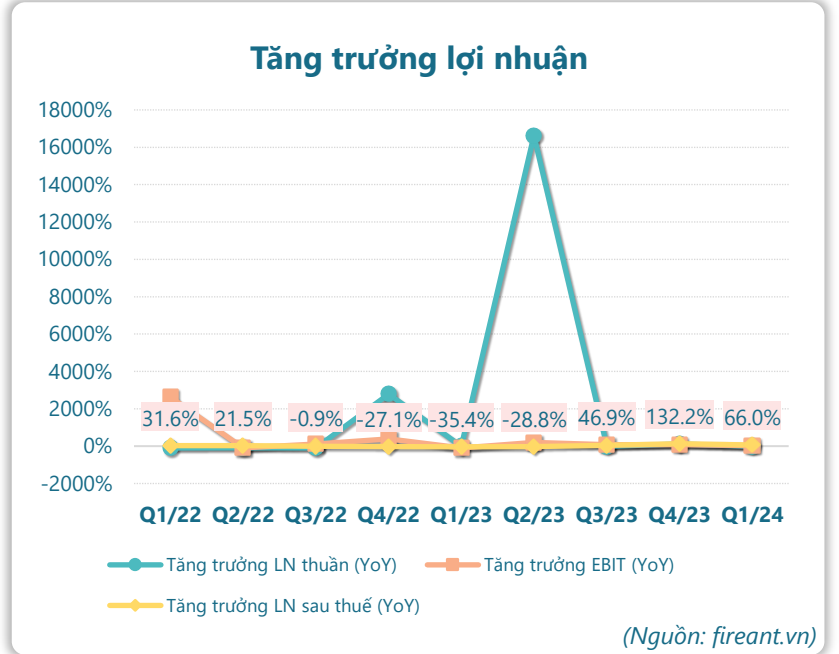
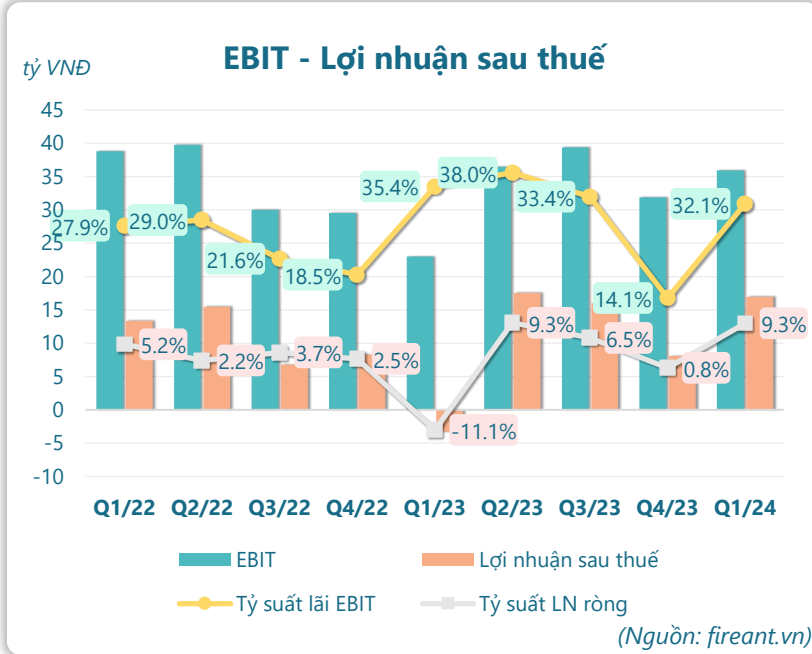
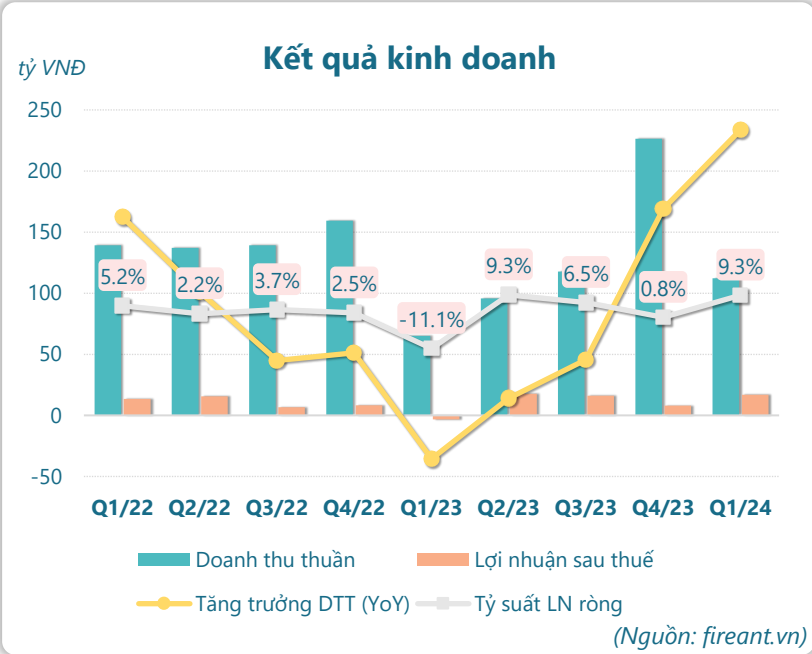
YoY: ▼5.40| -12.4%

**ROE**  
2023

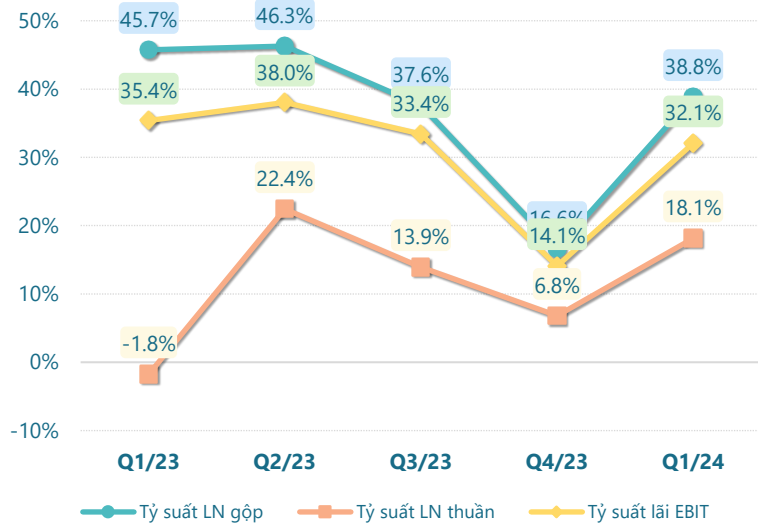
**1.4%**

+/- YoY: ▼ 0.5%



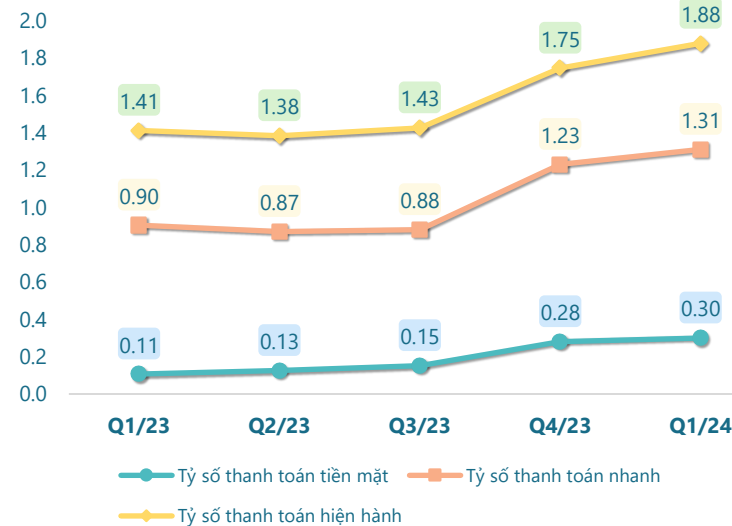


### Tỷ suất lợi nhuận



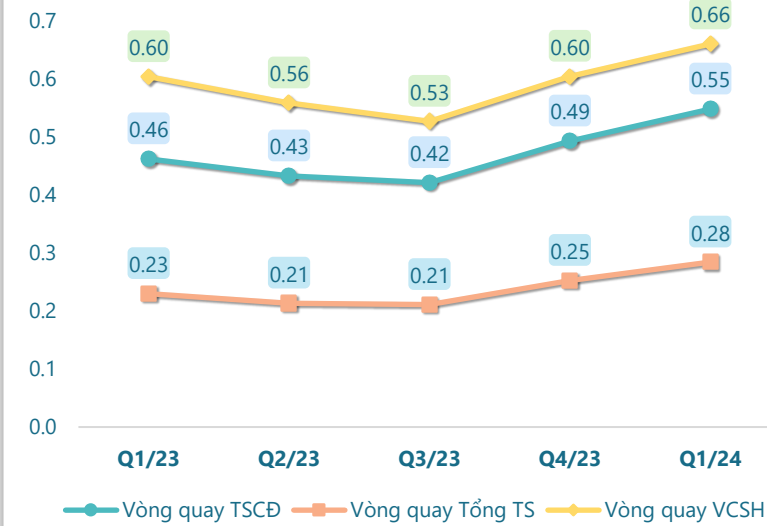
(Nguồn: fireant.vn)

### Chỉ số thanh khoản



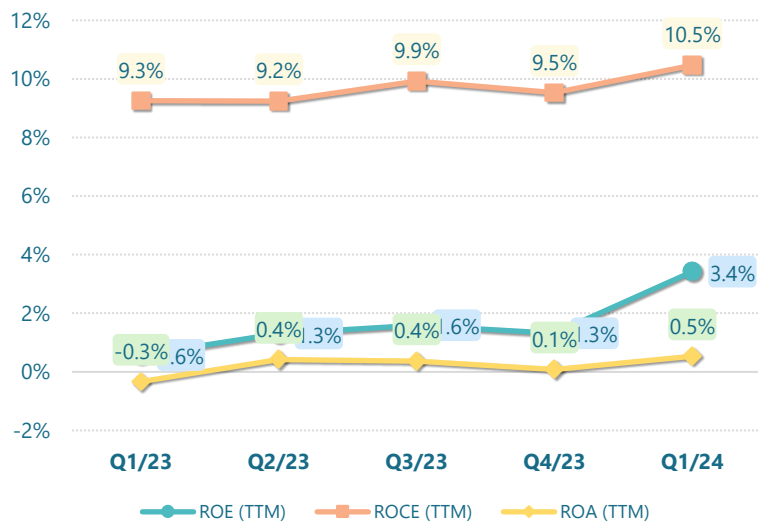
(Nguồn: fireant.vn)

### Vòng quay tài sản



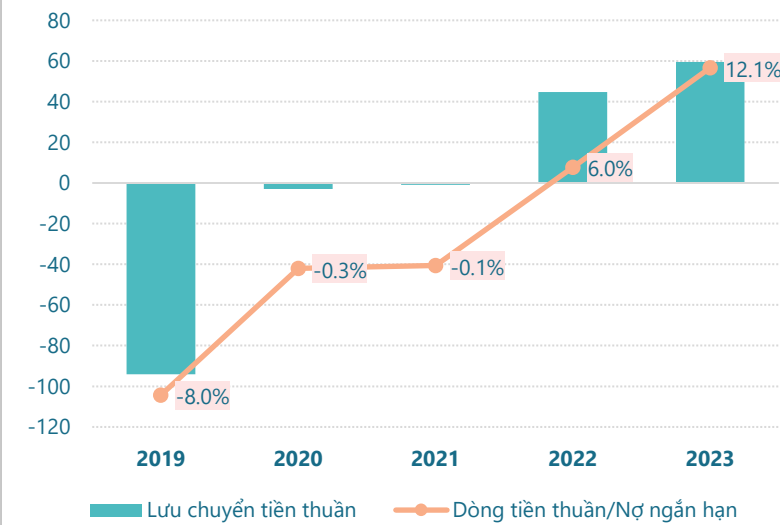
(Nguồn: fireant.vn)

### Tỷ suất sinh lợi



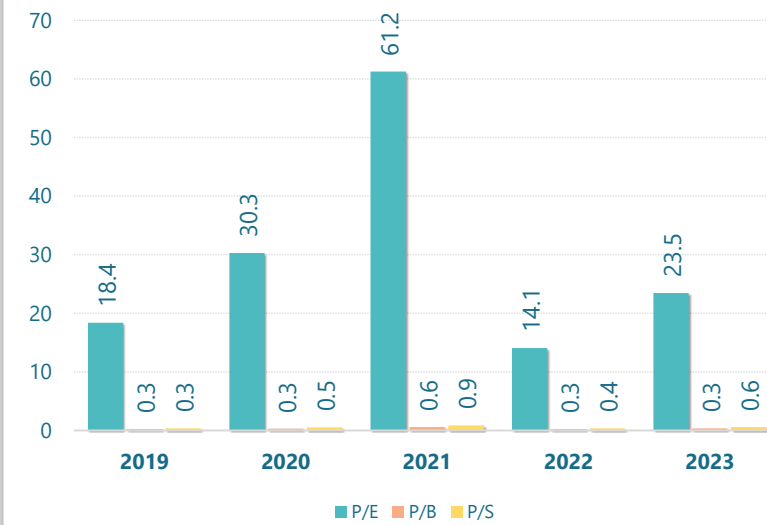
(Nguồn: fireant.vn)

### Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

### Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)